

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Bửu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hùng Cường

2. Bà Trần Thị Phiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lâm H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 81, tổ 03, ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ 03, ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có mặt tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Lâm H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1999, chị H và anh Đ bắt đầu chung sống với nhau,

không có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn vì anh chị phải đi làm do hoàn cảnh kinh tế khó khăn và cũng không biết anh chị chung sống phải đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không có hạnh phúc, do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể nào hàn gắn được.

Từ năm 2021 đến nay chị và anh Đ không còn sống chung với nhau. Nay tình cảm không còn, chị H yêu cầu ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thúy V, sinh năm 2000 và Phan Ngọc Khánh D, sinh ngày 07/4/2005; Thúy V đã trưởng thành, có khả năng tự lao động để sinh sống nên chị H, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H tự nguyện giao cháu D cho anh Đ nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn Anh Phan Văn Đ có ý kiến trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian chung sống và lý do anh chị không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống thì hạnh phúc, có lúc cũng không hạnh phúc kéo dài đến tháng 02/2021 thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau nữa nên anh chị ly thân từ thời gian đó đến nay. Chị H yêu cầu ly hôn thì anh Đ đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thúy V, sinh năm 2000 và Phan Ngọc Khánh D, sinh ngày 07/4/2005; Thúy V đã trưởng thành, có khả năng tự lao động để sinh sống nên chị H, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý tiếp tục nuôi cháu D (hiện đang sống chung với anh), không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, cháu Phan Ngọc Khánh D trình bày có nguyện vọng muốn sống chung với anh Đ sau khi cha mẹ ly hôn.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:*

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị H và anh Đ là vợ chồng;
- Về con chung: Anh Đ được nuôi con tên Phan Ngọc Khánh D, sinh ngày 07/4/2005 (hiện đang sống với anh Đ), anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Đối với Phan Thúy V, sinh năm 2000 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên chị H và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Đ trình bày không có, nên không xem xét.
- Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Lâm H khởi kiện yêu cầu ly hôn với Anh Phan Văn Đ hiện cư trú tại tổ 03, ấp A, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Vì vậy, Tòa án huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nơi bị đơn cư trú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: Tại phiên tòa, bị đơn Anh Phan Văn Đ tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của Chị Nguyễn Thị Lâm H về việc yêu cầu ly hôn Anh Phan Văn Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị H và anh Đ chung sống vợ chồng từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“ 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. .. ”.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau từ năm 1999 cho đến nay, chị H và anh Đ phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị H và anh Đ đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình sống chung, giữa chị H và anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, làm rạn nứt tình cảm vợ chồng. Chị H và anh Đ đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay tình cảm không còn, anh chị không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau. Cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, do chị H và anh Đ không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.. ”.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn anh Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận chị H và anh Đ là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 02 con tên Phan Thúy V, sinh năm 2000 và Phan Ngọc Khánh D, sinh ngày 07/4/2005.

Đối với Phan Thúy V đã trưởng thành nên chị H, anh Đ không yêu cầu nuôi con đối với cháu V.

Khi ly hôn, chị H và anh Đ thống nhất thỏa thuận, anh Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Ngọc Khánh D, sinh ngày 07/4/2005, anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa chị H và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án: Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, phù hợp thực tế khách quan, nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị H nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Lâm H và Anh Phan Văn Đ.

2. Về con chung:

- Anh Phan Văn Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Phan Ngọc Khánh D, sinh ngày 07/4/2005 (hiện đang sống với anh Đ), anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi Phan Ngọc Khánh D.

Đối với Phan Thúy V, sinh năm 2000 đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu đối với cháu V nên không xem xét.

- Chị Nguyễn Thị Lâm H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lâm H nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp ngày 03/6/2022 theo biên lai thu số 0009171 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh (1);
- VKSND Huyện (1);
- THADS Huyện (1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Bửu Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

